TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 32/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 24/5/2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Cảnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Huỳnh Ngọc Trứ**.

Bà **Đặng Thị Tiềm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Điền** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Liễu** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Tuyết H**, sinh năm 1991;
Địa chỉ: đường TK, kp1, Ph1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Anh **Lê Thành N**, sinh năm 1983;
Địa chỉ: đường TK, kp1, Ph1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:*

Chị và anh Lê Thành N là vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn 156 do Ủy ban nhân dân thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là UBND Ph1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) cấp ngày 21/9/2009. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung tên Lê Tâm Nh, sinh ngày 03/01/2010 và Lê Tâm Nh1, sinh ngày 13/5/2013. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Thành N không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* *Tại phiên tòa*:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Lê Thành N vắng mặt không lý do.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*:

Chị Nguyễn Thị Tuyết H là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

Anh Lê Thành N là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Nguyễn Thị Tuyết H giao nộp 01 giấy chứng nhận kết hôn số 156 ngày 21/9/2009 của Ủy ban nhân dân thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là UBND Ph1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) nên Hội đồng xét xử xác định giữa chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Lê Thành N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, chị H xác định giữa chị và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên tranh cãi, đã ly thân với nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Anh N không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của chị H, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh N không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân với chị H và lời trình bày của chị H về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ.

Thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh N là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. *Về con chung*:

- Anh Lê Thành N và chị Nguyễn Thị Tuyết H có 02 người con chung tên Lê Tâm Nh, sinh ngày 03/01/2010 và Lê Tâm Nh1, sinh ngày 13/5/2013.

- Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, hiện cháu Nh và cháu Nh1 đang sống ổn định với chị . Chị H trình bày chị có việc làm ổn định, đủ điều kiện nuôi 02 con chung. Anh N không có văn bản thể hiện ý kiến về việc nuôi con. Để đảm bảo việc chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nh và cháu Nh1, Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao cháu Nh và cháu Nh1 cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con, đây là sự tự nguyện của chị H phù hợp với qui định của pháp luật nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H không yêu cầu giải quyết.

[5]. *Về án phí*:

- Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn với anh Lê Thành N.

2. Con chung:

Tiếp tục giao 02 con chung tên Lê Tâm Nh, sinh ngày 03/01/2010 và Lê Tâm Nh1, sinh ngày 13/5/2013 cho chị Nguyễn Thị Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về án phí:

Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006787 ngày 29/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên chị Hồng không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị H và anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
-VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự: H, N;
- UBND Ph1, Tx.Cai Lậy;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Cảnh